

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24-6-2020
Về việc “Ly hôn”

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Hồng Hải
2. Bà Nguyễn Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 về trA chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện V, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị G, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện V, tỉnh Long An.

Ông A có mặt, bà G vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn đề ngày 17/02/2020, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa đương sự trình bày như sau:

Nguyên đơn ông Hoàng A trình bày: Ông và bà G sau một thời gian quen biết và tìm hiểu nhau thì được sự đồng ý của hai bên gia đình, ông bà tổ chức lễ tuyên bố và về chung sống với nhau từ năm 1998; Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02/1998 ngày 16/9/1998 nhưng quá trình cất giữ ông đã làm mất bản chính

nên nay chỉ còn bản sao. Sau khi cưới nhau, hai vợ chồng ông làm ăn sinh sống tại ấp X, xã H, huyện V, tỉnh Long An. Trong quá trình chung sống vợ chồng ông thường xuyên cãi vã, không hợp nhau nên từ năm 2002 ông và bà G không còn sống chung, bà G bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống (cách nhà ông vài trăm mét), khi bà G mới bỏ nhà đi thì ông có đến nhà cha mẹ của bà G tìm nhưng bà G và gia đình đều né tránh không muốn gặp mặt, vì vậy sau này, ông cũng không liên lạc với bà G. Nay ông xác định không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng ông có con chung tên Nguyễn Thị Hương S (nữ) sinh ngày 19/7/1999, hiện nay con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không có yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại phiên tòa ông Hoàng A vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết: Về hôn nhân: Xin ly hôn với bà G.

Bị đơn bà G trình bày: Do bà G được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản thể hiện ý kiến gửi Tòa án nên không có lời trình bày.

- Về ý kiến của Viện kiểm sát:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự thì nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định.

Nội dung vụ án: Ông Hoàng A và bà G có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp sẽ được giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình; Ông Hoàng A và bà G đã ly thân từ năm 2002 đến nay; Quá trình giải quyết vụ án, bà G được triệu tập họp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Xét thấy cuộc sống vợ chồng của ông Hoàng A và bà G không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ vợ chồng không có. Về con chung: không có yêu cầu nên không xem xét; Về chia tài sản chung và chia nợ chung: không có, ông Hoàng A không có yêu cầu nên không xem xét. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Hoàng A, ông Hoàng A được ly hôn với bà G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tra luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Ông Hoàng A yêu cầu ly hôn với bà G, bà G có nơi cư trú tại xã H, huyện V, tỉnh Long An nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án

nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Bà G vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bà G là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của ông Hoàng A và bà G là hôn nhân hợp pháp được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện V vào ngày 16/9/1998 theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Ông Hoàng A xác định từ năm 2002 ông và bà G không còn sống chung nên không thể hiện được quyền và nghĩa vụ của vợ chồng với nhau; Kết quả xác minh ngày 24/4/2020 qua lời khai của trưởng ấp X, xã H thì bà G có mặt tại địa phương nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo, quyết định cho bà G nhưng bà G cũng không liên hệ đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, không quan tâm đến việc ông Hoàng A yêu cầu ly hôn mà có thái độ bỏ mặc tình trạng hôn nhân cho ông Hoàng A tự định đoạt. Tại phiên tòa ông Hoàng A cũng xác định đã không còn tình cảm với bà G và kiên quyết yêu cầu được ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Hoàng A là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Con chung Nguyễn Thị Hương S đã trưởng thành và đã có gia đình riêng, ông Hoàng A cũng không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Về chia tài sản chung và chia nợ chung: Ông Hoàng A xác định không có, bà G cũng không có yêu cầu, vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, trường hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp thì sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

Từ các nhận định trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu về ly hôn của ông Hoàng A.

[6] Về án phí: Do ông Hoàng A không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí nên ông Hoàng A phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Hoàng A.

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng A được ly hôn với bà Trần Thị G.

Về án phí: Ông Nguyễn Hoàng A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Hoàng A đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 24/02/2020 theo biên lai thu tiền số 0004727 sang tiền án phí.

Báo cho ông Hoàng A biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà G vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- UBND xã Hưng Điền A;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Liễu